

Số: 12 /2017/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 19 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Quy định số lượng cán bộ, công chức
xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang, theo loại đơn vị hành chính như sau:

1. Xã loại I gồm 25 cán bộ, công chức (có Phụ lục I kèm theo).
2. Xã loại II gồm 23 cán bộ, công chức (có Phụ lục II kèm theo).
3. Phường, thị trấn loại I gồm 25 cán bộ, công chức (có Phụ lục III kèm theo).
4. Phường, thị trấn loại II gồm 23 cán bộ, công chức (có Phụ lục IV kèm theo).

[Chữ ký]

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2017 và thay thế Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang quy định về số lượng, chức danh cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTr. Tỉnh ủy;
- TTr. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Hà Giang;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP,
Trung tâm CB-TH, CVNCTH;
- Các sở, cơ quan ngang sở thuộc tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TTr. Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND
các huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Hệ thống VNPT ioffice;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



*** Nguyễn Văn Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**



PHỤ LỤC I

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐỐI VỚI XÃ LOẠI I

(Kèm theo Quyết định số: 102 /2017/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 của UBND tỉnh Hà Giang)

STT	Chức vụ, chức danh	Lĩnh vực công tác đảm nhiệm
I	CÁN BỘ	
1	Bí thư Đảng uỷ	Bí thư Đảng uỷ
2	Phó Bí thư Đảng uỷ	Phó Bí thư Đảng uỷ
3	Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Chủ tịch Hội đồng nhân dân
4	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân
5	Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Chủ tịch Ủy ban nhân dân
6	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Phụ trách khối Kinh tế
7	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Phụ trách khối Văn hoá - xã hội
8	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc
9	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
10	Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ	Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ
11	Chủ tịch Hội Nông dân	Chủ tịch Hội Nông dân
12	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh
II	CÔNG CHỨC	
1	Chỉ huy trưởng quân sự	Chỉ huy trưởng Quân sự
2	Trưởng công an	Trưởng Công an
3	Văn phòng - Thống kê	Phụ trách Văn phòng HĐND - UBND
4	Văn phòng - Thống kê	Phụ trách Văn phòng Đảng uỷ và công tác Thống kê
5	Văn phòng - Thống kê	Phụ trách Chỉ huy phó Quân sự và Thi đua khen thưởng
6	Văn phòng - Thống kê	Phụ trách Cải cách hành chính và Văn thư, lưu trữ
7	Tài chính - Kế toán	Tài chính - Kế toán
8	Tư pháp - Hộ tịch	Tư pháp - Hộ tịch
9	Tư pháp - Hộ tịch	Phụ trách Phó trưởng Công an
10	Văn hoá - xã hội	Văn hoá - xã hội
11	Văn hoá - xã hội	Phụ trách Lao động, Thương binh và Xã hội
12	Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	Phụ trách Địa chính, giao thông, xây dựng, tài nguyên, môi trường và xây dựng nông thôn mới
13	Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	Phụ trách Nông - Lâm nghiệp và công tác Khuyến nông

AT

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**PHỤ LỤC II
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐỐI VỚI XÃ LOẠI II**

(Kèm theo Quyết định số: *12* /2017/QĐ-UBND ngày *19* /6/2017 của UBND tỉnh Hà Giang)

STT	Chức vụ, chức danh	Lĩnh vực công tác đảm nhiệm
I	CÁN BỘ	
1	Bí thư Đảng uỷ	Bí thư Đảng uỷ
2	Phó Bí thư Đảng uỷ	Phó Bí thư Đảng uỷ
3	Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Chủ tịch Hội đồng nhân dân
4	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân
5	Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Chủ tịch Ủy ban nhân dân
6	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
7	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc
8	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
9	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ
10	Chủ tịch Hội Nông dân	Chủ tịch Hội Nông dân
11	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh
II	CÔNG CHỨC	
1	Chỉ huy trưởng Quân sự	Chỉ huy trưởng Quân sự
2	Trưởng Công an	Trưởng Công an
3	Văn phòng - Thống kê	Phụ trách Văn phòng HĐND-UBND, Cải cách hành chính và Văn thư, lưu trữ
4	Văn phòng - Thống kê	Phụ trách Văn phòng Đảng uỷ và công tác Thống kê
5	Văn phòng - Thống kê	Phụ trách Chỉ huy phó Quân sự và Thi đua khen thưởng
6	Tài chính - Kế toán	Tài chính - Kế toán
7	Tư pháp - Hộ tịch	Tư pháp - Hộ tịch
8	Tư pháp - Hộ tịch	Phụ trách Phó trưởng Công an
9	Văn hoá - xã hội	Văn hoá - xã hội
10	Văn hoá - xã hội	Phụ trách Lao động, Thương binh và xã hội
11	Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	Phụ trách Địa chính, giao thông, xây dựng, tài nguyên, môi trường và xây dựng nông thôn mới
12	Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	Phụ trách Nông - Lâm nghiệp và công tác Khuyến nông

AT

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

PHỤ LỤC III

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐỐI VỚI PHƯỜNG, THỊ TRẤN LOẠI I

(Kèm theo Quyết định số: 12 /2017/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 của UBND tỉnh Hà Giang)

STT	Chức vụ, chức danh	Lĩnh vực công tác đảm nhiệm
I	CÁN BỘ	
1	Bí thư Đảng uỷ	Bí thư Đảng uỷ
2	Phó Bí thư Đảng uỷ	Phó Bí thư Đảng uỷ
3	Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Chủ tịch Hội đồng nhân dân
4	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân
5	Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Chủ tịch Ủy ban nhân dân
6	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Phụ trách khối Kinh tế
7	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Phụ trách khối Văn hoá - xã hội
8	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc
9	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
10	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ
11	Chủ tịch Hội Nông dân	Chủ tịch Hội Nông dân
12	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh
II	CÔNG CHỨC	
1	Chỉ huy trưởng Quân sự	Chỉ huy trưởng Quân sự
2	Trưởng Công an	Trưởng Công an
3	Văn phòng - Thống kê	Phụ trách Văn phòng HĐND - UBND
4	Văn phòng - Thống kê	Phụ trách Văn phòng Đảng uỷ và công tác Thống kê
5	Văn phòng - Thống kê	Phụ trách Chỉ huy phó Quân sự và công tác Thi đua khen thưởng
6	Văn phòng - Thống kê	Phụ trách Cải cách hành chính và Văn thư, lưu trữ
7	Tài chính - Kế toán	Tài chính - Kế toán
8	Tư pháp - Hộ tịch	Tư pháp - Hộ tịch
9	Tư pháp - Hộ tịch	Phụ trách Phó trưởng Công an
10	Văn hoá - xã hội	Văn hoá - xã hội
11	Văn hoá - xã hội	Phụ trách Lao động, Thương binh và xã hội
12	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	Phụ trách Địa chính, tài nguyên và môi trường (đối với phường)
		Phụ trách Địa chính, giao thông, xây dựng, quản lý đô thị, tài nguyên và môi trường (đối với thị trấn)
13	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	Phụ trách Giao thông, xây dựng và Quản lý đô thị (đối với phường)
		Phụ trách Nông - Lâm nghiệp và công tác Khuyến nông (đối với thị trấn)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

PHỤ LỤC IV

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐỐI VỚI PHƯỜNG, THỊ TRẤN LOẠI II

(Kèm theo Quyết định số: 12 /2017/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 của UBND tỉnh Hà Giang)

STT	Chức vụ, chức danh	Lĩnh vực công tác đảm nhiệm
I	CÁN BỘ	
1	Bí thư Đảng uỷ	Bí thư Đảng uỷ
2	Phó Bí thư Đảng uỷ	Phó Bí thư Đảng uỷ
3	Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Chủ tịch Hội đồng nhân dân
4	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân
5	Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Chủ tịch Ủy ban nhân dân
6	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
7	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc
8	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
9	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ
10	Chủ tịch Hội Nông dân	Chủ tịch Hội Nông dân
11	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh
II	CÔNG CHỨC	
1	Chỉ huy trưởng Quân sự	Chỉ huy trưởng Quân sự
2	Trưởng Công an	Trưởng Công an
3	Văn phòng - Thống kê	Phụ trách Văn phòng HĐND-UBND, Cải cách hành chính và Văn thư, lưu trữ
4	Văn phòng - Thống kê	Phụ trách Văn phòng Đảng uỷ và công tác Thống kê
5	Văn phòng - Thống kê	Phụ trách Chỉ huy phó Quân sự và Thi đua khen thưởng
6	Tài chính - Kế toán	Tài chính - Kế toán
7	Tư pháp - Hộ tịch	Tư pháp - Hộ tịch
8	Tư pháp - Hộ tịch	Phụ trách Phó trưởng Công an
9	Văn hoá - xã hội	Văn hoá - xã hội
10	Văn hoá - xã hội	Phụ trách Lao động, Thương binh và xã hội
11	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	Phụ trách Địa chính, tài nguyên và môi trường (đối với phường)
		Phụ trách Địa chính, giao thông, xây dựng, quản lý đô thị, tài nguyên và môi trường (đối với thị trấn)
12	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	Phụ trách Giao thông, xây dựng và Quản lý đô thị (đối với phường)
		Phụ trách Nông - Lâm nghiệp và công tác Khuyến nông (đối với thị trấn)

ĐP